TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2025
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Duy Chấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh ngày 01/01/1984, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Căn cước số: 036184019597; ngày cấp 03/01/2025; nơi cấp: Bộ C.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1974, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

CCCD số: 036074016223; ngày cấp 12/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà S và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau, không cùng quan điểm sống, nhiều lần tự hàn gắn nhưng không thay đổi. Vì bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H không có đăng ký kết hôn nên bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 21/12/2003 và Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 04/8/2006, hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 14/8/2025 bà Nguyễn Thị S có đơn xét xử vắng mặt.

Theo lời khai của bị đơn, ông Nguyễn Văn H có trong hồ sơ vụ án: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông H và bà S có mâu thuẫn vợ chồng, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông H đồng ý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 21/12/2003 và Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 04/8/2006, hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 14/8/2025, ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quá trình tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, Điều 15; Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:*

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn H là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn H có địa chỉ tại thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc chấp hành pháp luật của đương sự.*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trước khi mở phiên tòa, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống.

Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".*

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà S và ông H sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nay bà S không còn tình cảm với ông H và ông H đồng ý theo đơn khởi kiện với bà S nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[3.2]. *Về con chung:* Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3.3]. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4]. *Về nợ chung:* Không có.

[4]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị S đã nộp.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, Điều 15; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai số 0000254 ngày 11 tháng 7 năm 2025.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng (02 bản);
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm